



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

**Năm 2006**

# MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| 1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....   | 2  |
| 1.1. Những sự kiện quan trọng: .....   | 2  |
| 1.1.1. Quá trình thành lập .....   | 2  |
| 1.1.2. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần .....   | 2  |
| 1.1.3. Niêm yết: .....   | 2  |
| 1.1.4. Các sự kiện khác .....  | 2  |
| 1.2. Quá trình phát triển .....  | 2  |
| 1.2.1. Ngành nghề kinh doanh .....   | 2  |
| 1.2.2. Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn .....  | 2  |
| 1.3. Định hướng phát triển: .....  | 3  |
| 2. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....  | 4  |
| 2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm .....  | 4  |
| 2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....   | 4  |
| 2.3. Thay đổi chủ yếu trong năm .....  | 4  |
| 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....   | 5  |
| 3.1. Báo cáo tình hình tài chính .....   | 5  |
| 3.1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán .....  | 5  |
| 3.1.2. Phân tích những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân .....  | 5  |
| 3.1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông .....   | 6  |
| 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....   | 6  |
| 3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....   | 7  |
| 3.3.1. Mục tiêu và kế hoạch phát triển chung .....   | 7  |
| 3.3.2. Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm 2007 .....   | 8  |
| 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....   | 9  |
| 5. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN .....   | 9  |
| 5.1. Kiểm toán độc lập: .....  | 9  |
| 5.1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập .....  | 9  |
| 5.1.2. Ý kiến kiểm toán độc lập: .....   | 9  |
| 6. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: .....   | 9  |
| 6.1. Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất .....   | 9  |
| 6.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính .....   | 10 |
| 7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....  | 10 |
| 7.1. Cơ cấu tổ chức .....  | 10 |
| 7.2. Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát .....  | 11 |
| 7.3. Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm: .....   | 12 |
| 7.4. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động .....   | 12 |
| 7.5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị .....   | 13 |
| 8. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....   | 13 |
| 8.1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát .....  | 13 |
| 8.1.1. Thành phần của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát .....   | 13 |
| 8.1.2. Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị .....  | 13 |
| 8.1.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng<br>Quản trị và Ban kiểm soát ..... | 14 |
| 8.1.4. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và những người điều hành chủ chốt khác trong Công ty<br>14                               |    |
| 8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông .....   | 14 |
| Cổ đông sáng lập .....   | 14 |
| HĐQT, BKS .....  | 14 |
| Cổ phiếu quỹ .....   | 14 |
| Các cổ đông khác .....   | 14 |

## **1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1.1. Những sự kiện quan trọng:**

#### **1.1.1 Quá trình thành lập**

- Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam (tiền thân là Công ty Hưng nghiệp CPHH Việt Sơn Minh - Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 414/GP ngày 07/09/1992 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu tư) cấp. Tổng vốn đầu tư đăng ký ban đầu của Công ty là 6.995.000 USD, trong đó vốn pháp định là 3.955.000 USD.
- Đầu tháng 3/2003, Công ty chọn Hải Dương để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây và cáp điện với tổng vốn đầu tư của dự án là 10.000.000 USD. Công ty đã nâng tổng vốn đầu tư đăng ký lên 21.444.240 USD và vốn pháp định là 13.114.072 USD theo Giấy phép Đầu tư Điều chỉnh số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN.
- Ngày 1/1/2005, nhà máy Hải Dương đã chính thức đi vào hoạt động.

#### **1.1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần**

- Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. với số vốn cổ phần được duyệt là 182.676.270.000 đồng. Đến nay, vốn cổ phần của Công ty đã được tăng lên là: 241.584.080.000 đồng.

#### **1.1.3 Niêm yết:**

- Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005. Tổng số lượng cổ phiếu được phép niêm yết nay là 4.831.228cp.
- Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

#### **1.1.4 Các sự kiện khác**

- Ngày 25/6/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam được tổ chức tại Khách sạn Legend số 2A – 4A đường Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

### **1.2. Quá trình phát triển**

#### **1.2.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất các loại dây điện: dây và cáp điện trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô.
- Các loại dây điện từ: dây điện từ PEW (dây tráng men PE), dây điện từ UEW (dây tráng men UE).

#### **1.2.2 Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn**

- Trong thời gian từ 1992 – 2004, được sự cho phép của Chính phủ Việt Nam, Công ty CPHH Dây và Cáp điện Taya Việt Nam đã qua 5 lần tăng thêm vốn đầu tư để đáp ứng nhu cầu trang bị mới máy móc thiết bị và phát triển sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:
  - Năm 2001, Công ty đã hoàn thành đầu tư xưởng nung đúc nguyên liệu đồng đầu tiên cho nhà máy.
  - Năm 2002, hoàn thành đầu tư nhà xưởng hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện từ và nhà xưởng nung đúc nguyên liệu đồng số 2.

- Năm 2003, đầu tư Chi nhánh sản xuất tại tỉnh Hải Dương, nhà máy được đầu tư hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng đến khâu sản xuất ra các loại dây điện, cáp điện và dây điện từ.

- Tóm tắt quá trình phát triển vốn của Công ty như sau:

| Stt | Số GPĐT              | Ngày       | Vốn pháp định (USD) | Vốn đầu tư (USD) | Mục đích đầu tư  |
|-----|----------------------|------------|---------------------|------------------|--|
| 1   | 414/GP               | 07/09/1992 | 3.955.000           | 6.955.000        | Đầu tư xây dựng nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất dây cáp điện             |
| 2   | 414/GPĐC1            | 31/10/1995 | 6.955.000           | 12.553.300       | Đầu tư xưởng nung đúc đồng nguyên liệu số 1, 2 và xưởng sản xuất dây điện từ |
| 3   | 414/GPĐC3            | 30/07/1997 | 8.955.000           | 14.533.000       |  |
| 4   | 414/GPĐC             | 12/01/1998 | 8.955.000           | 14.944.240       |  |
| 5   | 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN | 16/05/2003 | 13.114.072          | 21.444.240       | Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dây cáp điện, dây điện từ tại Hải Dương     |
| 6   | 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN | 07/05/2004 | 14.226.023          | 21.444.240       |  |

### 1.3. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu của công ty là đưa Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu, mở rộng thị trường nội địa và tăng cường xuất khẩu, phát triển thương hiệu TAYA ngày càng lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.

#### Phát triển thị trường:

1. Tăng cường khai thác thị trường sản phẩm cáp điện trung cao áp.
2. Tăng cường phát triển thị trường phía Bắc, miền Trung, Tây nguyên, miền Nam và đồng bằng sông Cửu long.
3. Thiết lập văn phòng đại diện, kho hàng trung chuyển tại các thành phố lớn trong nước.
4. Khai thác đối tác chiến lược tiềm năng.
5. Tăng cường khai thác thị trường xuất khẩu.

#### Phát triển sản phẩm :

1. Tăng cường nghiên cứu chất lượng sản phẩm, giá thành và thị trường phát triển.
2. Ứng dụng những công nghệ sản xuất hiện đại của Tập đoàn Taya để sản xuất các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.
3. Mở rộng sản xuất các loại sản phẩm mới như dây cáp thông tin, dây và cáp điện cao thế 110KV, cáp điện chống cháy, cáp điện không khói, không độc...v.v.

#### Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút thêm nhân sự có năng lực.
3. Đào tạo cán bộ có năng lực trong nước thay thế dần những chuyên gia nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.
5. Tập huấn tại nước ngoài.

#### Đầu tư phù hợp:

Tiến hành đầu tư mở rộng hoặc xây dựng thêm nhà máy ngay khi điều kiện thị trường thuận lợi để sản xuất ra các loại sản phẩm như: dây cáp thông tin, cáp quang, dây cáp điện chống cháy, không khói không độc, dây và cáp điện cao thế từ 110KV trở lên.

## 2. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

- Nổi bật nhất kết quả hoạt động năm 2006 Công ty đạt được doanh thu 1.287,4 tỷ đồng tăng 66%, nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 16,7% so với năm 2005, nhưng so với kế hoạch chỉ tiêu 2006 doanh số tăng 38%, lợi nhuận sau thuế giảm 43%.

### 2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| CHỈ TIÊU                          | Thực hiện 2005 | Kế hoạch 2006 | Thực hiện 2006 | Tỷ lệ đạt thành   |                      |
|-----------------------------------|----------------|---------------|----------------|-------------------|----------------------|
|                                   |                |               |                | TH 2006 so với KH | TH2006 so với TH2005 |
| Vốn điều lệ (triệu đồng)          | 182.676        | 241.584       | 241.584        | 100,00%           | -                    |
| Doanh thu (Triệu đồng)            | 775.241        | 930.600       | 1.287.458      | 138,34%           | 166%                 |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 42.748         | 61.790        | 33.422         | 54,08%            | 78,2%                |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)   | 38.974         | 56.997        | 32.469         | 56,96%            | 83,3%                |
| LN sau thuế/ Doanh thu (%)        | 5,03           | 6,12          | 2,52           | 41,17%            | 50%                  |
| LN sau thuế/Vốn điều lệ (%)       | 21,34          | 23,59         | 14,44          | 56,97%            | 67,6%                |
| Cổ tức (đồng/cổ phần)             | 1.500          | 1.500         | -              | -                 | -                    |

Kết quả hoạt động năm 2006 xét về chỉ tiêu doanh thu mặc dù vượt so với kế hoạch kinh doanh năm 2005 nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm đi rất nhiều vì những lý do khách quan sau:

- (1) Doanh thu năm 2006 tăng 66% so với năm 2005, đây là mức tăng khá cao, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 83,3%, nguyên nhân do trong năm 2006 giá đồng nguyên liệu thế giới tăng giảm đột biến, ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản xuất và các khoản trích lập giảm giá hàng tồn kho tổn thất 20.359.743.000VND, nếu không phải trích lập thì tổng lợi nhuận sau thuế sẽ là: 53.781.953.000VND đạt 94,3% so với kế hoạch.
- (2) Trong năm 2006, giá vốn tăng 71% cao hơn cả mức tăng doanh thu là 66%, như đã đề cập ở các phần trước, nguyên nhân là do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao theo giá thị trường thế giới làm cho giá thành tăng vọt và ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán.
- (3) Chi phí bán hàng tăng 42% so với năm 2005, nhưng xét theo mức tăng của doanh thu thì chi phí bán hàng tăng không đáng kể. Trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp lại giảm còn 20% so với năm 2005, nguyên nhân là do kết quả về tăng cường quản lý chi phí của công ty mang lại. Chính sự ảnh hưởng tăng vọt của các yếu tố chi phí trên đã làm cho tỷ lệ lợi nhuận của Công ty giảm 16,7% so với năm 2005.

### 2.3. Thay đổi chủ yếu trong năm

- Chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần nên cơ cấu tổ chức và hoạt động phù hợp với mô hình Công ty cổ phần và Luật pháp Việt nam.
- Nhà máy Taya Hải Dương đi vào hoạt động đóng góp không nhỏ vào doanh thu và lợi nhuận của toàn Công ty trong tương lai.
- Dây chuyền cáp điện trung cao áp 1-35KV ruột đơn đã xây dựng hoàn thành, riêng 3 ruột xoắn giáp bằng thép theo quy phạm Việt Nam phải đến tháng 7/2007 mới bắt đầu sản xuất.

#### ➤ Gắn bó lâu dài

Năm 2006 là một năm kinh doanh sản xuất đầy biến động của Công ty, trong bối cảnh vật giá nguyên liệu thị trường thế giới đột biến khó lường, đặc biệt là kim loại màu đồng nhôm. Tại Sở giao dịch kim loại London (LME) năm 2005 giá đồng bình quân tháng giao ngay từ mức USD3,678/T tăng cao USD5,100/T trong quý 1/2006 và

USD 8,045/T trong quý 2/2006, đến quý 3/2006 lại bắt đầu chuyển hướng giảm mạnh ở mức USD7,600/T và USD6,650/T trong quý 4/2006. Hơn thế nữa, có lúc mức giá chênh lệch lên đến 1,000USD/T trong thời gian chưa đầy 1 tuần khiến nhiều doanh nghiệp sản xuất sử dụng nguyên liệu đồng lâm vào tình cảnh khốn đốn tổn thất, trước tình hình khó khăn như vậy, năm 2006 lợi nhuận Công ty đã giảm đi đáng kể.

Không ngừng phấn đấu phát triển công ty vững mạnh đứng đầu ngành dây cáp điện của cả nước và đảm bảo kinh doanh có lãi, cổ đông có lợi nhuận luôn là tâm niệm và mục tiêu hàng đầu của Công ty. Những năm qua với sự tin cậy ủng hộ giúp đỡ của khách hàng, toàn thể cổ đông, những đối tác trong và ngoài nước, các cơ quan ban ngành chính phủ, đặc biệt là sức lực lao động cần cù, quản lý sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân công ty, là nguồn động lực to lớn không ngừng thúc đẩy công ty tăng trưởng phát triển và đúc kết trí tuệ kinh nghiệm quý giá từ thực tiễn, công ty tự tin và có đầy đủ nghị lực vươn tới tương lai thành công.

### 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 3.1. Báo cáo tình hình tài chính

##### 3.1.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

| CHỈ TIÊU   | Đvt | Năm 2006 | Năm 2005 |
|--|-----|----------|----------|
| <b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và vốn</b>                         |     |          |          |
| 1.1 Bố trí cơ cấu tài sản                                      |     |          |          |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                                 | %   | 21,75    | 27,00    |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                                | %   | 78,25    | 72,74    |
| 1.2. Bố trí cơ cấu vốn   |     |          |          |
| - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn                                  | %   | 73,08    | 67,56    |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn                          | %   | 26,92    | 32,43    |
| <b>2. Khả năng thanh toán</b>                                  |     |          |          |
| 2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn                              | lần | 1,14     | 1,16     |
| 2.2. Khả năng thanh toán nhanh                                 | lần | 0,4      | 0,67     |
| <b>3. Tỷ suất lợi nhuận</b>                                    |     |          |          |
| 3.1 Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu                           |     |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu                  | %   | 2,60     | 5,51     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu                    | %   | 2,52     | 5,03     |
| 3.2 Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản                        |     |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản               | %   | 2,88     | 5,51     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản(ROA)            | %   | 2,80     | 5,03     |
| 3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu(ROE) | %   | 10,39    | 15,26    |

##### 3.1.2 Phân tích những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân

Kết quả hoạt động năm 2006 cho thấy các chỉ tiêu tài chính có sự tăng trưởng tương đối, doanh thu tăng trưởng trên 66%/năm, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 56,96%

so với kế hoạch, đạt 83,3% so với thực hiện năm 2005. Nhìn chung, thực tế thực hiện tương đối tốt.

- Trong hai năm gần đây (2005~2006), tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu của Công ty duy trì ở mức bình quân 3,7%/năm (2005 là 5,03%, 2006 là 2,52%), mặc dù có giảm trong năm 2006 còn 2,52%, nhưng với đặc thù sản phẩm dây cáp điện, nguyên liệu sử dụng chủ yếu là đồng tinh luyện (99,99%), chiếm 92% tỷ trọng trong giá thành sản phẩm (năm 2005 là 89%), Với một tỷ trọng như vậy cho thấy sự cố gắng của công ty là rất lớn, đặc biệt là giá cả nguyên liệu đồng thế giới khi biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Vì vậy, để giảm thiểu những ảnh hưởng này, việc xây dựng và duy trì một quy trình sản xuất khép kín hợp lý, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm nguyên liệu, giảm thiểu chi phí sản xuất và phế phẩm, nâng cao doanh số tiêu thụ và lợi nhuận luôn là tiêu chí quan trọng được đặt lên hàng đầu của công ty. Với lợi thế hơn 55 năm kinh nghiệm của tập đoàn Taya, Taya Việt Nam ngày càng phấn đấu khẳng định vị thế của mình trên thị trường thông qua những sản phẩm chất lượng cao, tiết kiệm và sử dụng an toàn.
- Ngoài trừ phần giá nguyên vật liệu đầu vào (đồng tấm) biến động trên thị trường thế giới làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất và giá vốn hàng bán, chi phí quản lý của Công ty được kiểm soát khá tốt, chi tiết hơn xin xem báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006.

### 3.1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông

Trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, tỷ lệ vốn góp của hai cổ đông lớn như sau:

| Cổ đông                                    | USD               | VNĐ'000            | %          |
|--|-------------------|--------------------|------------|
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd        | 10.559.290        | 137.004.349        | 75         |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 3.666.733         | 45.671.922         | 25         |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>14.226.023</b> | <b>182.676.271</b> | <b>100</b> |

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần và bán cổ phiếu ra bên ngoài tỷ lệ góp vốn như sau:

| Cổ đông                                    | Số cổ phiếu       | Thành tiền (VNĐ'000) | %          |
|--|-------------------|----------------------|------------|
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd        | 10.960.622        | 109.606.220          | 60         |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 3.653.525         | 36.535.250           | 20         |
| Các cổ đông khác                           | 3.653.480         | 36.534.800           | 20         |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>18.267.627</b> | <b>182.676.270</b>   | <b>100</b> |

Tỷ lệ góp vốn của hai cổ đông lớn đến hết ngày 31/12/2006

| Cổ đông                                    | Số cổ phiếu       | Thành tiền (VNĐ'000) | %          |
|--|-------------------|----------------------|------------|
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd        | 14.495.410        | 144.954.100          | 60         |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 4.831.770         | 48.317.700           | 20         |
| Các cổ đông khác                           | 4.831.228         | 48.312.280           | 20         |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>24.158.408</b> | <b>241.584.080</b>   | <b>100</b> |

### 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: (nghìn đồng)

| CHỈ TIÊU  | 2006                 | 2005               | Tăng/Giảm           | %<br>Tăng/giảm |
|---|----------------------|--------------------|---------------------|----------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>1.288.383.461</b> | <b>775.500.394</b> | <b>512.883.067</b>  | <b>66%</b>     |
| 2. Các khoản giảm trừ                                     | 924.704              | 259.779            | 664.925             | 255,95%        |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>1.287.458.757</b> | <b>775.240.615</b> | <b>512.228.142</b>  | <b>66%</b>     |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 1.190.508.631        | 695.477.903        | 495.030.728         | 71%            |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>96.950.126</b>    | <b>79.762.712</b>  | <b>17.187.414</b>   | <b>21%</b>     |
| <b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>                   | <b>2.049.469</b>     | <b>1.060.454</b>   | <b>989.015</b>      | <b>93%</b>     |
| <b>7. Chi phí tài chính</b>                               | <b>34.986.958</b>    | <b>15.133.468</b>  | <b>19.853.490</b>   | <b>131%</b>    |
| - Trong đó: chi phí lãi vay                               | 28.150.676           | 11.943.506         | 16.207.170          | 135%           |
| <b>8. Chi phí bán hàng</b>                                | <b>18.854.325</b>    | <b>13.189.475</b>  | <b>5.664.850</b>    | <b>42%</b>     |
| <b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                    | <b>21.003.323</b>    | <b>17.402.897</b>  | <b>3.600.456</b>    | <b>20%</b>     |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>24.154.989</b>    | <b>35.097.326</b>  | <b>(10.942.337)</b> | <b>-31,2%</b>  |
| <b>11. Thu nhập khác</b>                                  | <b>9.592.896</b>     | <b>7.802.674</b>   | <b>1.790.222</b>    | <b>22%</b>     |
| <b>12. Chi phí khác</b>                                   | <b>325.675</b>       | <b>151.541</b>     | <b>174.134</b>      | <b>114%</b>    |
| <b>13. Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>                    | <b>9.267.221</b>     | <b>7.651.133</b>   | <b>1.616.088</b>    | <b>21%</b>     |
| <b>14. Lợi nhuận trước thuế</b>                           | <b>33.422.210</b>    | <b>42.748.459</b>  | <b>(9.326.249)</b>  | <b>-21,8%</b>  |
| 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 1.770.284            | 3.774.304          | (2.004.020)         | -53,1%         |
| 16. Thu nhập(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại              | (817.997)            | -                  |                     |                |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       | <b>32.469.923</b>    | <b>38.974.155</b>  | <b>(6.504.232)</b>  | <b>-16,7%</b>  |

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006 và năm 2005 có nhiều biến động đáng kể:

- Doanh thu năm 2006 tăng 66% so với năm 2005, đây là mức tăng khá cao, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 83,3%, nguyên nhân do trong năm 2006 giá đồng nguyên liệu thế giới tăng giảm thất thường, ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản xuất và trích lập giảm giá hàng tồn kho tổn thất 20.359.743.000VND, nếu không phải trích lập thì tổng lợi nhuận sau thuế sẽ là: 53.781.953.000VND đạt 94,3% so với kế hoạch.
- Trong năm 2006, giá vốn tăng 71% cao hơn cả mức tăng doanh thu là 66% so với năm 2005, như đã đề cập ở các phần trước, nguyên nhân là do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao theo giá thị trường thế giới làm cho giá thành tăng vọt và ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán.
- Chi phí bán hàng tăng 42% so với năm 2005, nhưng xét theo mức tăng của doanh thu thì chi phí bán hàng tăng không đáng kể. Trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp lại giảm còn 20% so với năm 2005, nguyên nhân là do kết quả về tăng cường quản lý chi phí của công ty mang lại.
- Chính sự ảnh hưởng tăng vọt của các yếu tố chi phí trên đã làm cho tỷ lệ lợi nhuận của Công ty giảm 16,7% so với năm 2005.

### 3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### 3.3.1 Mục tiêu và kế hoạch phát triển chung

Mục tiêu của Công ty là đưa Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu, luôn tuân thủ pháp luật và hoạt động với phương châm tạo ra sản phẩm tốt, có tính cạnh tranh cao, đầu tư cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, chiếm lĩnh thị trường trong nước và vươn ra thị trường thế giới,



đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ quản lý tốt, đội ngũ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao.

Với đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia nước ngoài có trình độ cao, đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ nhân viên tiếp thị chuyên nghiệp, Taya đang hội đủ tất cả các yếu tố thuận lợi để phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh cả về mặt chất lượng lẫn giá cả. Với những chiến lược phát triển đúng hướng Taya sẽ ngày càng lớn mạnh.

Mở rộng thị trường:

- Công ty đã đề ra chiến lược nhằm mở rộng thị phần của Công ty thông qua việc đẩy mạnh phát triển đại lý tại thị trường phía Bắc, mở văn phòng đại diện và lập tổng kho tại Cần Thơ và Nha Trang. Đưa ra chiến lược bán hàng cụ thể phù hợp với đặc tính của từng vùng. Đẩy mạnh tham gia đấu thầu các công trình tại địa phương. Phân loại khách hàng trực tiếp, thực hiện hỗ trợ có hiệu quả. Cụ thể các mục tiêu được đưa ra gồm:
  - Đảm bảo nghiêm ngặt về chất lượng sản phẩm,
  - Đẩy mạnh các hình thức phát triển thương hiệu của Công ty,
  - Phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức cho Cổ đông.
- Khi thị trường dây cáp điện trung thế 1-35KV được ổn định, Công ty có kế hoạch sản xuất thêm dây cáp điện cao thế từ 110KV trở lên tại nhà máy Đồng Nai nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu sản phẩm đa dạng của thị trường.
- Phát triển nguồn nhân lực cũng là một phần quan trọng của Công ty trong mục tiêu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:
  - Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân
  - Thu hút thêm nhân sự có năng lực
  - Đào tạo các chuyên gia trong nước và hướng tới thay thế dần các chuyên gia nước ngoài bằng cán bộ có năng lực trong nước. Đào tạo tại nước ngoài.

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

Tháng 4/2006 Công ty đã xây dựng hoàn thành nhà máy và thiết bị sản xuất dây cáp điện trung và cao thế, có điện áp từ **1Kv đến 35Kv** tại nhà máy Đồng Nai nhằm phục vụ cho hệ thống truyền tải điện Việt Nam. Dự án này có công suất sản xuất 800T sản phẩm/tháng. Vì Việt nam sử dụng quy phạm 3 ruột xoắn và bọc đai thép. Vì vậy công ty đã phải mua thêm thiết bị và đã hoàn thành công đoạn sản xuất cáp điện ruột đơn, còn sản phẩm 3 ruột xoắn phải đến tháng 6 mới lắp ráp hoàn thành, dự tính sẽ bắt đầu sản xuất vào tháng 7 năm 2007.

- Năm 2007 là năm quan trọng cho kết quả đầu tư mở rộng sản xuất của công ty với việc nhà máy ở Hải Dương hoạt động ổn định và có lợi nhuận, nhà máy ở Đồng Nai tiếp tục đầu tư chiều sâu, đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nếu nhà máy ở Hải Dương và các dự án ở Đồng Nai hoạt động với năng suất dự kiến và triển khai đúng tiến độ Công ty sẽ đột phá mạnh mẽ trong tương lai.

**3.3.2 Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm 2007**

Dự báo chi tiết cho kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2007 như sau:

Đơn vị tính: (nghìn đồng)

| CHỈ TIÊU   | 2006          | Kế hoạch 2007 | Tăng/Giảm 2007/2006 | % Tăng/giảm |
|--|---------------|---------------|---------------------|-------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 1.288.383.461 | 1.407.620.700 | 179.237.239         | 9,2%        |
| 2. Các khoản giảm trừ                              | 924.704       | -             | -                   | -           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.287.458.757 | 1.407.620.700 | 120.161.943         | 9,3%        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 1.190.508.631 | 1.269.090.433 | 78.581.802          | 6,6%        |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 96.950.126    | 138.530.266   | 41.580.140          | 42,9%       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 2.049.469     | -             | -                   | -           |





- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành Công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya có được thiết lập bao gồm: Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ, Ban Hành chánh quản trị. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

*Ban Hành chính quản trị:* Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.

*Ban kinh doanh tiếp thị:* Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm.

*Ban xưởng vụ:* Có chức năng trong việc điều động sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

## **7.2. Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát**

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:**

#### **1. Ông SHEN SHANG PANG**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam. Phó chủ tịch HĐQT Công ty CPHH Dây và Cáp điện Đại Á (Đài Loan)

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Trung Hoa

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

#### **2. Ông SHEN SHANG TAO**

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện Đại Á (Đài Loan).

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Trung Hoa

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ

#### **3. Ông SHEN SHANG HUNG**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CPHH dây và cáp điện Đại Á (Đài Loan).

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Trung Hoa

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

#### **4. Ông SHEN SAN YI**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện Đại Á (Đài Loan).

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Trung Hoa

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trường Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

#### **5. Ông CHEN PING SEN**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 13/8/1948

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Trung Hoa

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Đại học Bình Đông, Đài Loan.

#### **6. Ông CHIU CHIN TENG**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.  
Ngày tháng năm sinh: 1/11/1950  
Nơi sinh: Đái Nam, Đái Loan.  
Quốc tịch: Đái Loan (R.O.C)  
Dân tộc: Trung Hoa  
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Nghiệp Đái Nam. Đái Loan.

**Thành viên ban kiểm soát:**

**7. Ông KUO LAO FU**

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, chủ nhiệm phòng Tổng Giám Đốc Công ty CPHH dây và Cáp điện Đại Á (Đái Loan).  
Quê quán: Đái Nam, Đái Loan.  
Quốc tịch: Đái Loan (R.O.C)  
Dân tộc: Trung Hoa  
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Trung học Tân Phong, Đái loan, khoa Quản trị doanh nghiệp

**8. Ông WANG WEN RUEY**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty CPHH Dây và Cáp điện Đại Triển  
Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951  
Nơi sinh: Đái Loan  
Quốc tịch: Đái Loan (R.O.C)  
Dân tộc: Trung Hoa  
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Đại Học Đông Ngô, Đái Loan.

**9. Ông TU TING JUI**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, Chuyên viên Công ty CPHH Dây và Cáp điện Đại Á (Đái Loan).  
Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948  
Nơi sinh: Đái Nam, Đái Loan.  
Quốc tịch: Đái Loan (R.O.C)  
Dân tộc: Trung Hoa  
Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Cao đẳng Thương nghiệp Đái Nam. Đái Loan.

**7.3. Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm:**

Theo Biên bản họp HĐQT số 01/2005/BB-HĐQT1 ngày 28/06/2005, các thành viên trong HĐQT đã thống nhất ý kiến 100% tiếp tục tín nhiệm Ông Chen Ping Sen là Tổng Giám Đốc Công ty sau khi chuyển thành Công ty Cổ phần.

**7.4. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Tổng số lao động của Taya Việt Nam ở Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2006 là 594 người với 69 nhân viên quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 2,52% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học và trên đại học chiếm 13,59%, trung cấp chiếm 11,65% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 74,76%.

**Chính sách lương:**

Mức lương và thời gian thử việc được quy định theo trình độ văn hóa:

| Trình độ             | Thời gian thử việc | Mức lương thử việc |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| Hết lớp 9            | 1 tháng            | 790.000 đồng       |
| Hết lớp 12           | 1 tháng            | 790.000 đồng       |
| Trung cấp + Cao đẳng | 1 tháng            | 890.000 đồng       |
| Đại học              | 2 tháng            | 1.200.000 đồng     |
| Lái xe               | 1 tháng            | 1.000.000 đồng     |
| Phiên dịch           | 1 tháng            | 1.500.000 đồng     |

Khi kết thúc thời gian thử việc, Ban Giám đốc sẽ đánh giá khả năng làm việc và nhận chính thức. Lúc này mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Tiếp đó, cứ 1 năm 1 lần

(thường là vào cuối năm) dựa vào đánh giá của phòng, tổ mà Ban Giám đốc sẽ quyết định tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp tiếng Hoa, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

#### **Chính sách thưởng:**

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13. Mức thưởng này từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty (trong năm 2006, nhân viên của nhà máy Đông Nai được thưởng 3 tháng lương bình thường, Chi nhánh Hải Dương được thưởng 2 tháng lương bình thường).

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 2/9, tặng quà và bánh Trung thu vào dịp Tết và Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa và tiền mừng cưới...

#### **Chính sách đào tạo nhân viên:**

Đào tạo ngoại ngữ: hàng năm, Công ty tổ chức cuộc thi tiếng Hoa cho công nhân viên và xếp thứ hạng, tùy theo trình độ sẽ có những mức trợ cấp ngoại ngữ tương xứng.

Đào tạo chuyên môn: Đào tạo tại chức theo định kỳ và đào tạo tại nước ngoài.

#### **7.5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị**

Các thành viên Hội đồng Quản trị được bầu từ Đại hội Cổ Đông thành lập đến thời điểm lập Báo cáo này không thay đổi.

## **8. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **8.1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát**

#### **8.1.1 Thành phần của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát**

##### **- Hội đồng Quản trị**

|                     |                                |
|---------------------|--------------------------------|
| Ông Shen Shang Pang | Chủ tịch Hội đồng Quản trị     |
| Ông Shen Shang Tao  | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Chen Ping Shen  | Thành viên Hội đồng Quản trị   |
| Ông Shen Shang Hung | Thành viên Hội đồng Quản trị   |
| Ông Shen San Yi     | Thành viên Hội đồng Quản trị   |

Trong các thành viên Hội đồng Quản trị, chỉ có Ông Chen Ping Sen là Tổng Giám Đốc trực tiếp tham gia điều hành Công ty, các thành viên còn lại đều là thành viên độc lập không tham gia điều hành.

##### **- Ban kiểm soát**

|                   |                          |
|-------------------|--------------------------|
| Ông Kuo Lao Fu    | Trưởng Ban kiểm soát     |
| Ông Tu Ting Jiu   | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Wang Wen Reuy | Thành viên Ban kiểm soát |

#### **8.1.2 Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị**

- Thành viên Hội đồng Quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận thì chia đều
- Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang

tính chất điều hành hay không) hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị

- Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

### 8.1.3 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

| Stt                        | Họ tên          | Chức vụ              | Số lượng sở hữu | Số lượng cam kết nắm giữ |
|----------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|--------------------------|
| <b>I Hội đồng Quản trị</b> |                 |                      |                 |                          |
| 1.                         | Shen Shang Pang | Chủ tịch HĐQT        | 54.990          | 54.990                   |
| 2.                         | Shen Shang Tao  | Phó chủ tịch HĐQT    | 35.210          | 33.350                   |
| 3.                         | Shen San Yi     | Thành viên HĐQT      | 35.670          | 18.250                   |
| 4.                         | Shen Shang Hung | Thành viên HĐQT      | 36.560          | 26.020                   |
| 5.                         | Chen Ping Sen   | Thành viên HĐQT, TGD | 10.000          | 9.650                    |
| <b>II. Ban kiểm soát</b>   |                 |                      |                 |                          |
| 1.                         | Kuo Lao Fu      | Trưởng Ban kiểm soát | 750             | 750                      |
| <b>III. Ban Giám Đốc</b>   |                 |                      |                 |                          |
| 1.                         | Chiu Chin Teng  | Phó TGD              | 28.020          | 15.000                   |

### 8.1.4 Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và những người điều hành chủ chốt khác trong Công ty

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 3% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi trích lập các quỹ và được đại hội cổ đông thông qua.

### 8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2006

| Cổ đông                                    | Số cổ phiếu       | %          |
|--|-------------------|------------|
| <b>Tổng số cổ phần Công ty</b>             | <b>24.158.408</b> | <b>100</b> |
| <b>Cổ đông sáng lập</b>                    |                   |            |
| Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd        | 14.495.410        | 60         |
| Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd | 4.831.770         | 20         |
| <b>HĐQT, BKS</b>                           |                   |            |
| Thành viên HĐQT                            | 172.430           | 20         |
| Thành viên BKS                             | 750               |            |
| Cổ phiếu quỹ                               | 7.003             |            |
| Các cổ đông khác                           | 4.651.045         |            |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>24.158.408</b> | <b>100</b> |

Đồng nai, ngày 11 tháng 04 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHEN PING SEN